

Bản án số: 07/2025/DS-PT
Ngày: 03-01-2025
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 551/2024/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2024/DS-ST ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 615/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Khu phố D, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim P, sinh năm 1987 (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 18/7/2023) (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn:

1. Chị Nguyễn Tuyết L, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: Số I Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Anh Võ Văn K, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh K: Luật Sư Trần Hoàng V, Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt);

Địa chỉ: Số B L, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

* Người kháng cáo: Bị đơn anh Võ Văn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Vào khoảng năm 2022, phía vợ chồng chị L có vay chi nhiều lần tiền để xoay sở gia đình, cụ thể:

- Ngày 10/02/2022, vay số tiền là 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 18 tháng;
- Ngày 12/02/2022, vay số tiền là 67.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng;
- Ngày 25/5/2022, vay số tiền là 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày;
- Ngày 13/06/2022, vay số tiền là 160.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng.

Tổng số tiền vay là 477.000.000 đồng. Trong quá trình vay tiền phía chị L có trả được số tiền lãi là 20.000.000 đồng và chưa trả khoản tiền gốc nào.

Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng nhưng phía chị L chỉ có trả được 20.000.0000 đồng thì ngưng không đóng nữa.

Do đó, nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị L và anh K phải trả cho chị số tiền nợ gốc là 477.000.000 đồng và số tiền lãi là 149.004.600 đồng, mức lãi suất là 1,66%/tháng, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Phần trình bày của chị L và anh K: Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập được tài liệu, chứng cứ từ phía chị L và anh K.

Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2024/DS-ST ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 227, 264, 266, 267, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T.
2. Buộc chị Nguyễn Tuyết L và anh Võ Văn K có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền nợ gốc và lãi là 626.004.600 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 06/8/2024, bị đơn anh Võ Văn K có đơn kháng cáo bản án sơ, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh Võ Văn K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Luật sư bào chữa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh K cho rằng: Các biên nhận nợ không có chữ ký của anh K. Anh K và chị L đã ly thân, không còn ở chung nhà nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh K, sửa án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Án sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Anh K kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên không được chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Võ Văn K nộp đơn kháng cáo quá thời hạn luật định nhưng đã được Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xem xét chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của anh tại Quyết định số 10/2024/QĐ-PT ngày 17/9/2024, đồng thời anh K cũng thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ nên yêu cầu kháng cáo của anh được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Anh Võ Văn K kháng cáo cho rằng từ cuối năm 2021, anh và chị Nguyễn Tuyết L đã sống ly thân, mỗi người ăn ở một nơi, làm riêng, ăn riêng, không ai quan tâm đến ai, công việc của ai nấy làm, không làm ăn chung. Chị L về nhà cha mẹ ruột tại Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang; anh thì ở nhà anh tại ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang nên việc chị L có mượn tiền của chị T hay không thì không liên quan đến anh, anh không hề biết gì về số tiền chị T cho chị L mượn vào năm 2022. Do đó, anh không đồng ý cùng chị L trả nợ như quyết định của án sơ thẩm.

Xét yêu cầu kháng cáo của anh Võ Văn K, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh Võ Văn K thừa nhận anh và chị Nguyễn Tuyết L là vợ chồng, hiện anh chị chỉ sống ly thân, chưa ly hôn. Chị L vay 477.000.000 đồng của chị T trong khoảng thời gian từ ngày 10/02/2022 đến ngày 13/6/2022, khoản vay này hình thành trong thời kỳ hôn nhân của anh K và chị L. Anh K cho rằng anh và chị L ly thân từ cuối năm 2021, mỗi người sống ở một nơi riêng, không làm ăn chung;

anh không biết và không liên quan đến khoản vay này nhưng lại không có chứng cứ chứng minh. Biên bản xác minh ngày 27/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện G (bút lục 46) lại thể hiện chị L mới chuyển về sinh sống tại nhà mẹ ruột ở Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang gần đây; thỉnh thoảng vẫn về nhà anh K. Ngoài ra, khi vay tiền của chị T, chị L có giao cho chị T một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị L và anh K đứng tên nên việc anh K cho rằng đây là khoản nợ riêng của chị L là không có cơ sở.

Từ phân tích trên, có cơ sở xác định anh K và chị L là vợ chồng, mặc dù các biên nhận nợ chỉ có chữ ký của chị L nhưng khoản nợ này hình thành trong thời kỳ hôn nhân và được sử dụng vào mục đích làm ăn kinh doanh nên anh K và chị L phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho chị T. Anh K kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên yêu cầu kháng cáo của anh không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị L thừa nhận 04 biên nhận nợ là do chị ký nhưng chị cho rằng đã trả một phần nợ cho chị T, hiện nay chị chỉ còn nợ lại chị T 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc chị đã trả nợ cho chị T nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Võ Văn K là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[4] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Vấn đề cần rút kinh nghiệm: Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh K và chị L trả ngay cho chị T số tiền nợ gốc và lãi là 626.004.600 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật là tước bỏ quyền thỏa thuận thi hành án của các bên trong giai đoạn thi hành án, chưa phù hợp quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; cần rút kinh nghiệm.

[6] Về án phí: Anh K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo của anh không được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Võ Văn K.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2024/DS-ST ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 227, 264, 266, 267, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T.

Buộc chị Nguyễn Tuyết L và anh Võ Văn K có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc T số tiền nợ gốc và lãi là 626.004.600 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Tuyết L và anh Võ Văn K phải chịu 29.040.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc T 13.580.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012590 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Võ Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009843 ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, xem như đã nộp xong.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong